TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2018/HS-ST Ngày: 04 - 5 - 2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Giáp và ông Đinh Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Duy Mạnh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trìu A Sám – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST- HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HS ngày 28/02/2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị H, sinh ngày 10/8/1981 tại Th; Đăng ký thường trú: Xóm 4, xã Q, huyện L, tỉnh N; Tạm trú: Khu 2, ấp A, xã T, huyện TB, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thế C, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948; Chồng: Lê Văn Ha, sinh năm 1978, có 02 con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư ngày 26/5/2017. (Có mặt)

2. Lê Văn Ha, sinh ngày 20/11/1978 tại N; Đăng ký thường trú: Xóm 4, , xã Q, huyện L, tỉnh N; Tạm trú: Khu 2, ấp A, xã T, huyện TB, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1936 và bà Hồ Thị C, sinh năm 1943; Vợ: Lê Thị H,sinh năm: 1981,có 02 con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2017, Hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 06/11/2017. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn L, Lê Thị H*: Ông Vũ Xuân V, luật sư Công ty luật TNHH MTV Đồng Tâm Sài Gòn thuộc đoàn luật sư thành phố D. Địa chỉ: Số 32, Đường số 8, Khu phố 4, phường B, Quận C, Tp D. (có mặt)

- *Bị hại:* Chị Phạm Thị L (Tên gọi khác: G), sinh năm 1984. Cư trú tại: Nhà trọ bà T ở khu 2, ấp A, xã T, huyện TB, tỉnh Đ.(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Hồ Văn HV sinh năm 1986. Cư trú: tổ 30, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.(có mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Bà Cao Thị S, sinh năm 1961. Cư trú tại: Phòng 17, dãy B, nhà trọ bà T ở khu 2, ấp A, xã T, huyện TB, tỉnh Đ. (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1958. Cư trú tại: Phòng 1, dãy A, nhà trọ bà T ở khu 2, ấp A, xã T, huyện TB, tỉnh Đ.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2015 vợ chồng Lê Văn Ha và Lê Thị H có cho chị Phạm Thị L (ở trọ tại khu 2, ấp A, xã T, huyện TB) vay tiền. Sau đó H và Ha nhiều lần đến đòi nợ nhưng chị L chưa có tiền trả, Ha và H bàn nhau sáng ngày 20/5/2017 đến phòng trọ của chị L để đòi nợ. Khoảng 6 giờ ngày 20/5/2017 H điều khiển xe mô tô 53R2-5146 đến phòng trọ của chị L đòi nợ nhưng chị L chưa có tiền trả nên giữa H và chị L xảy ra cãi nhau. Cùng lúc đó Ha điều khiển xe mô tô biển số 60B1-221.32 đến thấy hai bên đang cãi nhau, H hẹn trong vòng một tuần chị L phải trả nợ cho H nếu không H sẽ đến lấy hết tài sản của chị L thì chị L thách thức và tuyên bố không trả nợ cho H nữa. Do tức giận nên H gọi Ha vào đánh chị L và Ha dùng tay tát chị L 01 cái vào mặt, chị L lấy điện thoại di động hiệu Samsung J7 định gọi cho chủ nhà trọ đến can thiệp. Thấy vậy H mới nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của chị L để trừ nợ. H giật điện thoại trên tay của chị L nhưng không được nên gọi Ha vào đánh và lấy điện thoại của chị L, Ha xông vào dùng tay phải đấm 01 cái vào mặt chị L và giữ tay chị L để H lấy điện thoại Samsung J7 chạy ra ngoài. Chị L đuổi theo để đòi lại điện thoại, Ha dùng hai tay giữ chặt 02 tay của chị L ra phía sau để H chạy ra bỏ điện thoại vào cốp xe mô tô biển số 60B1-221.32 điều khiển xe đi về nhà tại khu 2, ấp L, xã T cất giấu điện thoại, ngay sau đó Ha buông tay chị L và điều khiển xe mô tô 53R2-5146 đi về nhà.

Về nhà khoảng 10 phút, Ha và H tiếp tục quay lại chỗ chị L để yêu cầu chị L trả nợ thì Công an xã T, huyện TB giữ Ha và H lại làm việc. Ha và H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. H đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Samsung J7 của chị L, Công an thu giữ 01 xe mô tô biển số 60B1-221.32 và chuyển hồ sơ vụ án cùng vật chứng đến Công an huyện Trảng Bom giải quyết theo thẩm quyền.

Từ ngày 20/5/2017 đến ngày 29/5/2017 chị L điều trị thương tích tại Trung tâm y tế huyện Trảng Bom với kết luận: Chấn thương, vết thương phần mềm

vùng mi mắt phải. Ngày 03/7/2017 chị L đã từ chối giám định thương tích và không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi gây thương tích của Ha cho chị L vào ngày 20/5/2017.

Chiếc điện thoại Samsung J7 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trả lại cho chị L.

Theo bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 489/KL-VPYTW ngày 09/11/2017 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hoà kết luận về tình trạng tâm thần của bị cáo Lê Văn Ha: Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị bệnh tâm căn suy nhược. Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: Đương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại phiên tòa, anh Hồ Văn HV và các bị cáo đều khẳng định, xe mô tô biển số 60B1-221.32 là tài sản hợp pháp của anh HV. Anh HV cho bị cáo Ha mượn làm phương tiện đi lại, việc bị cáo H sử dụng làm phương tiện phạm tội anh HV không biết nên anh HV yêu cầu trả lại xe cho anh HV.

Tại phiên tòa, người bào chữa đồng ý với tội danh Viện kiểm sát truy tố và cho rằng, bị hại là người có tài sản nhưng cố tình không trả tiền đã vay của bị cáo H là có lỗi nên đã kính động tinh thần các bị cáo phạm tội; các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn; hoàn cảnh gia đình khó khăn; 02 con còn quá nhỏ không có ai chăm sóc; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo H là lao động chính trong gia đình; cha mẹ bị cáo H là người có công với cách mạng; bị cáo Ha là người có nhược điểm về tâm thần nên đề nghị Tòa xem xét cho các bị cáo hình phạt nhẹ nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại bản cáo trạng số 176/CT/VKS-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 và Quyết định số 02/QĐ/VKS-HS của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố các bị cáo Lê Thị H và Lê Văn Ha về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo H từ 18 đến 24 tháng tù; bị cáo Ha từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng; Tịch thu sung công 01 xe mô tô biển số 60B1-221.32. Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do chị Phạm Thị L (G) dây dưa chưa trả nợ cho bị cáo Lê Văn Ha và Lê Thị H. Vào ngày 20/5/2017, bị cáo Ha và H đã điều khiển xe mô tô đến phòng trọ của chị L tại khu 2, ấp A, xã T, huyện TB đòi nợ. Tại phòng trọ chị L, giữa bị cáo H và chị L đã lời qua tiếng lại, bị cáo H yêu cầu chị L trả nợ trong vòng một tuần nếu không trả bị cáo sẽ lấy tài sản của chị L thì chị L tuyên bố

không trả nợ nên hai bên xảy ra xô sát nhau; khi thấy chị L cầm điện thoại Samsung Galaxy J7 gọi điện thì bị cáo H và Ha đã dùng vũ lực xâm phạm sức khỏe của chị L để chiếm đoạt chiếc điện thoại trên tay của chị L. Sau đó bị cáo H cầm điện thoại chạy ra ngoài bỏ vào cốp xe mô tô biển số 60B1-221.32 điều khiển xe mang điện thoại về nhà cất giấu thì chị L chạy đuổi theo yêu cầu trả điện thoại nhưng bị cáo Ha tiếp tục ngăn cản chị L không cho lấy lại điện thoại. Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá UBND huyện Trảng Bom đã kết luận: Điện thoại Samsung Galaxy J7 trị giá: 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Vì vậy, hành vi của các bị cáo Lê Thị H và Lê Văn Ha đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 điều 133 Bộ luật hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của chị Phạm Thị L được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, nhất thời phạm tội, trong đó bị cáo H là người khởi xướng và các bị cáo đều tham gia với vai trò thực hành. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo theo quy định pháp luật.

[3] Xét thấy: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn; động cơ dẫn đến việc các bị cáo phạm tội là do bị hại có một phần lỗi dây dưa không trả nợ; 02 con của bị cáo còn rất nhỏ. Riêng bị cáo H đã tự nguyện giao nộp tài sản để khắc phục hậu quả ngay sau khi phạm tội và là lao động chính trong gia đình, cha mẹ bị cáo là người có công với cách mạng; Đối với bị cáo Ha là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo điểm p, g, b, n khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét các bị cáo là người có nhân thân tốt vì không có tiền án, tiền sự; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; các bị cáo thật sự ăn năn hối cải và có khả năng tự cải tạo mình; các bị cáo đang nuôi con nhỏ; bị cáo Ha đã bị tạm giam hơn 4 tháng đã đủ răn đe và giáo dục; bị cáo H là lao động chính trong gia đình nên không cách ly các bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục phòng ngừa và để bị cáo H có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con nhỏ; Đồng thời thể hiện sự nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ Hội đồng xét xử đã nhận định, người bào chữa đề nghị Tòa án cho các bị cáo hưởng thêm các tình tiết: các bị cáo bị kích động về tinh thần do lỗi của bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quan điểm này chưa phù hợp với pháp luật nên không được chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 53R2-5146 các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom không thu giữ.

Đối với xe mô tô biển số 60B1-221.32 là tài sản hợp pháp của anh Hồ Văn HV, bị cáo H sử dụng làm phương tiện phạm tội anh HV không biết nên trả lại xe cho anh HV. Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung công là chưa phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận,

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị L đã nhận lại chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 và không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[7] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 133; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội "Cướp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 3 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 04/5/2018).

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 133; điểm p, g, n khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Ha phạm tội "Cướp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Văn Ha 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 04/5/2018).

Giao bị cáo H và Ha cho UBND xã T, huyện TB, tỉnh Đ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại xe mô tô loại future, màu sơn đỏ - xám –đen, biển số 60B1-221.32 cho anh Hồ Văn HV (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

4. Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND H. Trảng Bom; tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra H. Trảng Bom;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- THA, Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Bích Liễu